

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Khánh Hòa tại Tờ trình số 44/TTr-SCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc ban hành quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức chi hỗ trợ và mức hỗ trợ khi quyết toán đề án khuyến công địa phương đối với một số nội dung hoạt động khuyến công theo điểm b, c, g, l, o, khoản 2, điều 6 Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Công Thương về hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương, cụ thể như sau:

1. Các mức chi hỗ trợ:

1.1- Mức chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản phục vụ cho việc lắp đặt, bảo quản máy móc thiết



bị (giá trị xây dựng cơ bản để tính tổng mức hỗ trợ tối đa bằng 20% tổng giá trị mua sắm máy móc thiết bị), hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật:

a) Mô hình có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 25%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 105 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 21%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 170 triệu đồng/mô hình.

c) Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 1.000 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 17%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 260 triệu đồng/mô hình.

d) Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 2.000 triệu đồng đến dưới 3.300 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 13%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 330 triệu đồng/mô hình.

đ) Mô hình có tổng vốn đầu tư từ 3.300 triệu đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 10%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình.

1.2- Mức chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp nông thôn, bao gồm các chi phí: Mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản phục vụ cho việc lắp đặt, bảo quản máy móc thiết bị (trong đó, giá trị xây dựng cơ bản để tính tổng mức hỗ trợ không quá 20% tổng giá trị mua sắm máy móc thiết bị):

a) Đề án có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 25%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

b) Đề án có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 1.500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 20%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

c) Đề án có tổng vốn đầu tư từ 1.500 triệu đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 10%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

1.3- Mức chi hỗ trợ (được xác định trên tổng vốn đầu tư của từng cơ sở) sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn (bao gồm các chi phí: sửa chữa, xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị):

a) Đề án có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 25%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở;

b) Đề án có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 1.500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 20%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 180 triệu đồng/cơ sở;

c) Đề án có tổng vốn đầu tư từ 1.500 triệu đồng đến dưới 2.400 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa 12%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 240 triệu đồng/cơ sở;

d) Đề án có tổng vốn đầu tư từ 2.400 triệu đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 10%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

1.4- Chi cho tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh:

a) Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: Đạt giải cấp huyện được thưởng không quá 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 04 triệu đồng/sản phẩm.

1.5- Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh, cấp huyện:

Mức hỗ trợ tối đa là 30% chi phí thành lập nhưng tối đa không vượt quá 20 triệu đồng/hội, hiệp hội đối với cấp huyện và 50 triệu đồng/hội, hiệp hội đối với cấp tỉnh.

1.6- Mức chi hỗ trợ cho các mô hình, đề án, cơ sở khuyến công, đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở nông nghiệp nông thôn thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định của tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Chính phủ; địa bàn các xã khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1049/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do UBND tỉnh phê duyệt bằng 1,3 lần so với mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1.1, 1.2 và 1.3 của Điều này.

1.7- Mức chi hỗ trợ cho các mô hình, đề án, cơ sở khuyến công thuộc ngành nghề công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo danh mục ngành nghề được UBND tỉnh phê duyệt; các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; các cơ sở có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh trở lên bằng 1,2 lần so với mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1.1, 1.2 và 1.3 của Điều này.

Đối với mô hình, cơ sở khuyến công đáp ứng đủ hai điều kiện quy định tại điểm 1.6 và 1.7 trên thì được hưởng mức hỗ trợ quy định tại điểm 1.6, khoản

1, Quyết định này.

2. Mức hỗ trợ khi quyết toán mô hình, cơ sở, đề án khuyến công:

Giao Sở Công Thương kiểm tra, quyết toán mức hỗ trợ kinh phí khuyến công theo tổng vốn đầu tư thực tế của từng mô hình, cơ sở khuyến công. Thủ tục, biên bản nghiệm thu, hóa đơn, chứng từ đầu tư....của từng mô hình, cơ sở khuyến công thực hiện theo Quy định hiện hành.

2.1- Trường hợp tổng vốn đầu tư thực tế của mô hình, cơ sở khuyến công cao hơn tổng vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt thì quyết toán mức chi hỗ trợ theo đúng mức chi tại quyết định đã được phê duyệt.

2.2- Trường hợp tổng vốn đầu tư thực tế của mô hình, cơ sở khuyến công thấp hơn tổng vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt thì quyết toán mức chi hỗ trợ theo tỷ lệ quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Các mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương khác ngoài nội dung mức chi quy định tại Điều 1 của quyết định này được thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 của Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Công Thương Hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 10/02/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về ban hành mức chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới đối với các đề án khuyến công địa phương trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa.

Các mô hình, cơ sở khuyến công địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này ban hành thì vẫn tiếp tục thực hiện mức hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 10/02/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa đến ngày 31/12/2014.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Công Thương;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu VT, HB, HP, Hle.
- CN798C(QĐINH-HOTROKCONG-NEW)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Sơn Hải